

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày 15/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Hồng, ông Vũ Thái Hưng.

- Th ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Th ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị L Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 30/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 30/11/2020 đối với:

1. Bị cáo:

1.1 Lương Chiến L, sinh năm 1999; Nơi đăng ký HKTT: Xóm T.T, xã T.N, huyện V.N, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Tiến N sinh năm 1966 và bà Ma Thị P sinh năm 1972; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 27/2016/HSST ngày 16/9/2016 L bị Tòa án nhân dân huyện V.N, tỉnh T.N xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

1.2 Ma Đức N, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Bản C, xã S.M, huyện V.N, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý

Khánh D sinh năm 1965 và bà Ma Thị H sinh năm 1969; Có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm 6, xã N.H, huyện T.K, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Triệu Việt C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T.Đ, xã Đ.K, huyện Y.T, tỉnh Bắc Giang. Xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Đức N đã từng thi công lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hòa tại xưởng số 4 của Công ty S ở khu phố T.H, phường T.H1, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên N có thẻ công nhân của Công ty S. Trong thời gian làm việc tại đây, N thấy khi công nhân lấy xe ra về, bảo vệ soát vé Thờng không kiểm tra, đối chiếu số ghi trên vé với biển số xe nên N đã nói cho Lương Chiến L biết. Do chưa có việc làm, cần tiền chi tiêu cá nhân nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của công nhân gửi ở nhà xe của Công ty. L đã nhắn tin rủ N “đến công ty lấy xe”. N hiểu và đồng ý. L bảo N chuẩn bị các công cụ gồm thẻ công nhân công ty S cũ để L làm giả công nhân đi vào xưởng 4, cắt một đoạn dây điện màu xanh bên trong có lõi đồng để L làm dụng cụ mở khóa, một mảnh giấy trắng gấp lại làm đôi để L làm giả vé xe lừa bảo vệ khi đi ra cổng. N mượn chiếc xe SYM Star, BKS 37K1 – 894.58 của anh Lò Văn Th để chở L đến chỗ lấy xe. Đến nơi, L mặc áo công nhân, đeo thẻ và bịt khẩu trang đi vào nhà xe nhưng bảo vệ không hỏi gì. L đi lên tầng 2 nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 98C1-113.18 liền dùng đoạn dây mang theo đầu điện mở được khóa xe, đề nổ máy, đội mũ bảo hiểm có sẵn trên xe, tay cầm vé giả đi xuống. Tại cửa soát vé tầng 1, L đưa tấm vé giả cho bà Nguyễn Thị L là nhân viên bảo vệ của Công ty dịch vụ bảo vệ H.L làm nhiệm vụ trông giữ xe tại đây, chiếc vé xe rơi xuống bà L đang cúi xuống nhặt thì L điều khiển xe ra ngoài cổng. Bà L không kiểm tra vé mà xé bỏ vào trong túi đựng vé đã kiểm tra. Sau khi lấy được xe L điều khiển xe đến chỗ N đang chờ rồi cả hai cùng đi về phòng trọ cất giấu xe, chờ cơ hội tiêu thụ. N mang xe về trả anh Th. Sau khi phát hiện ca trực của mình ngày 10/8/2020 để mất xe của anh Triệu Việt C, bà L đã làm đơn trình báo Công an. Biết hành vi của mình bị phát hiện nên N và L đã đến Công an đầu thú tự

nguyên giao nộp chiếc xe, đoạn dây điện và điện thoại.

Tại bản kết luận định giá số 53 ngày 14/8/2020 của Hội đồng định giá Thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã T.S kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, BKS 98C1-113.18, số khung RLCUG0610HY451750, số máy G3D4E472866, xe đã qua sử dụng từ năm 2017 có giá trị 26.000.000 đồng”.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 220/CT-VKS ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử bị cáo Ma Đức N, Lương Chiếu L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N và L đã khai nhận: Biết được sự sơ hở trong khâu soát vé của bảo vệ khi không kiểm tra, đối chiếu số ghi trên vé với xe nên N và L đã rủ tìm cách làm giả vé xe, dùng thẻ nhân viên cũ và mặc quần áo công nhân giống với công nhân của Công ty S để làm cho nhân viên trông xe tin tưởng là công nhân của Công ty để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc, BKS 98C1-113.18 của anh Triệu Việt C gửi tại nhà xe xưởng số 4 của Công ty S do bà Nguyễn Thị L trông giữ.

Bị hại là bà Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi Thờng về dân sự do chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Việt C đã nhận lại xe nên không có yêu cầu gì.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Đức N, Lương Chiếu L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Chiếu L từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ma Đức N từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng

hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 đoạn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, lõi bằng kim loại dài 13cm; sim điện thoại số 0886.23208 và sim số 0839.941.116.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Philip màu đen và 01 điện thoại iphone 7 màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị mất đã được trả lại cho chủ sở hữu, bị hại và người liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, bồi Thường dân sự và các vấn đề khác mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản người phạm tội ra đầu thú và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Lợi dụng sự sơ hở trong công tác bảo vệ, kiểm soát vé gửi xe của bà Nguyễn Thị L nhân viên bảo vệ tại nhà để xe của xưởng 4 Công ty S có địa chỉ ở khu phố T.H, phường T.H1, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên Ma Đức N, Lương Chiến L đã có hành vi gian dối dùng thẻ nhân viên cũ, mặc áo công nhân giống với công nhân của công ty S, làm giả vé xe làm cho bà L tin tưởng đó là công nhân của Công ty đến lấy xe nên N và L đã chiếm đoạt được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 98C1-113.18 trị giá 26.000.000 đồng của anh Triệu Việt C gửi tại nhà xe. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Chiến L, Ma Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công, bàn bạc với nhau mà cùng nhau thực hiện nên chỉ là đồng phạm giản đơn. L là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. N là người giúp sức cho L.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải

xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 16/9/2016, L đã bị TAND huyện V.N, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản. L đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án. Bị cáo không tu chí làm ăn mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này chứng tỏ bị cáo coi Thông pháp luật nên cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn đối với N. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã đến Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, bị cáo đã đến Công an đầu thú. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản chung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 đoạn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, lõi bằng kim loại dài 13cm; sim điện thoại số 0886.23208 và sim số 0839.941.116 không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

01 điện thoại di động Philip màu đen và 01 điện thoại iphone 7 màu trắng là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu đã nhận lại chiếc xe bị mất, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Chiến L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Chiến L 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Ma Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ma Đức N 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/8/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 đoạn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh, lõi bằng kim loại dài 13cm; sim điện thoại số 0886.23208 và sim số 0839.941.116.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Philips màu đen và 01 điện thoại iphone 7 màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo L và N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh